

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh NLC7**

Bản án số: 10/2019/HS-ST  
Ngày: 04/4/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Long Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Thảo.

Ông Nguyễn Thị Huê.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn H**, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1990 tại An Nhơn, Bình Định; nơi cư trú: Làng R, xã X, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn G (đã chết); con bà Trương Thị G1; vợ Trần Thị H2; có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; nhân thân: ngày 13/11/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 03 tháng 05 ngày tù về tội “Đánh bạc” bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 10/01/2019; tiền án; 01; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2018 đến ngày 24/01/2019 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Lê Quốc V**, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1991 tại Đ, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn A3, xã A4, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; 06/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê S; con bà Lê Thị S1; vợ Trần S2; có 02 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2018 đến ngày 24/01/2019 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Đào Thanh L, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã U, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Đào Thanh L1, sinh ngày 28/11/2003; địa chỉ: Thôn C, xã U, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt. *Đại diện hợp pháp của cháu L1:* Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn C, xã U, huyện Đ, tỉnh Gia Lai là mẹ cháu L1. Có mặt.

+ NLC1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 5, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ NLC2, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 8, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ NLC3, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 5, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ NLC4, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ NLC5, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ NLC6, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn 4, xã A2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ NLC7, sinh năm 1974; địa chỉ: Làng R, xã Q, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H nhiều lần yêu cầu anh Đào Thanh L phải trả số tiền 400.000.000đ mà anh L đã mượn vào đầu năm 2018 nhưng anh L vẫn không chịu trả. Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/12/2018, khi bị cáo H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81C-097.96 chở bị cáo V đến tiệm rửa xe của anh Nguyễn Văn Chiến tại tổ 10, phường A1, thị xã A thì thấy anh Đào Thanh L đang điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 81C-097.96 dừng trước tiệm để rửa xe. Vì bức tức anh L mượn tiền trước đó mà không trả nên H nói với V: “thằng L mượn tiền tao không trả”. Sau đó H xuống xe lại giật cửa xe và nói “sao không trả tiền cho tao”, anh L trả lời “từ từ tao trả”.

Sau đó H dùng tay phải nắm kéo tay trái của anh L, V dùng tay phải nắm áo anh L cùng kéo xuống xe, H dùng tay phải đâm nhiều cái vào mặt và người anh L, V dùng tay phải tát nhiều cái vào mặt anh L. H nói “kéo nó lên xe ô tô chở qua bên kia” rồi cả hai tiếp tục dùng tay đánh và chân đá vào người và mặt anh L. H nói V “đẩy nó lên xe” anh L không đồng ý nhưng vẫn bị H và V kéo lên ngồi băng ghế sau của xe ô tô biển kiểm soát 81C-097.96, H ngồi giữ L còn V ra trước điều khiển xe đến quán cafe của chị NLC1 tại Tổ 5, phường A1, thị xã A. Sau khi nghe con trai là Đào Thanh L1 điện thoại nói anh L bị H và V bắt đi thì chị Lê gọi cho NLC4.

Khi chở anh L đến quán cafe của chị Tuyền, bị cáo H và anh L ngồi cùng bàn nói chuyện trả nợ tiền, còn bị cáo V ngồi bàn gần đó gọi nước uống. Anh L có nói là có người tên NLC6 ở xã A2, huyện Đ.

người tên NLC7 ở xã An Trung, huyện K có nợ tiền của anh L thì H nói L gọi điện thoại cho Những người này để đòi tiền trả lại cho H. Khoảng 15 phút sau NLC4 và NLC5 đến gặp H và L để hỏi sự việc, sau đó NLC4 nói “Nó đang khổ, từ từ nó trả” rồi NLC4, NLC5 chở anh L về.

Anh L bị thương tích nên đã đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai đến ngày 20/12/2018 thì xuất viện. Tại giấy chứng nhận thương tích số 36 ngày 24/01/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai xác định anh L bị sưng nề vùng cằm, sưng bầm thái dương phải, sưng nề gò má hai bên, sưng bầm đùi trái.

Về dân sự: Ngày 02/01/2019 anh L đã nhận tiền bồi thường là 10.000.000đ từ gia đình anh H và bị cáo V nên đã làm đơn bãi nại và từ chối giám định thương tích.

- Quá trình điều tra thu giữ tài sản gồm:

+ 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mazda, loại BT-50, màu trắng, biển kiểm soát 81C-097.96, số máy P5AT2167895, số máy 4DFXGW546250 (xe đã qua sử dụng).

+ Thu giữ của Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu đen, màn hình cảm ứng, số imei 5567653 (điện thoại hoạt động bình thường), bên trong máy có 01 sim thuê bao số 0972 045 678.

Quá trình điều tra xác định:

01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mazda, loại BT-50, màu trắng, biển kiểm soát 81C-097.96, số máy P5AT2167895, số máy 4DFXGW546250 (xe đã qua sử dụng) là xe của chị Trần Thị H2, chị H2 không biết việc H, V sử dụng xe vào việc phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã trả lại xe cho chị H2 là phù hợp.

01 điện thoại di động điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu đen, màn hình cảm ứng, số imei 5567653 (điện thoại hoạt động bình thường), bên trong máy có 01 sim thuê bao số 0972 045 678. Đây là điện thoại của H nên tạm thu giữ.

Tại Bản cáo trạng số: 06/CTr-VKS ngày 30/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Quốc V về tội “**Bắt người trái pháp luật**” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H, V về tội danh, có thay đổi một phần nội dung cáo trạng về phần xác định lý lịch của bị cáo H có là có 01 tiền án và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Quốc V phạm tội “**Bắt người trái pháp luật**”;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 08 đến 10 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo V từ 06 đến 08 tháng tù.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại Đào Thanh L đã nhận tiền bồi thường là 10.000.000đ từ gia đình bị cáo H và V nên đã làm đơn bãi nại và không yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng trong vụ án: 01 điện thoại di động điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu đen, màn hình cảm ứng, số imei 5567653, bên trong máy có 01 sim thuê bao số 0972 045 678 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo không dùng điện thoại trên để thực hiện việc phạm tội nên hoàn trả lại cho bị cáo H.

Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo H, bị cáo V tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/12/2018 tại tổ 10, phường A1, thị xã A, chỉ vì Đào Thanh L nợ tiền của Nguyễn Văn H chưa trả, các bị cáo Nguyễn Văn H và Lê Quốc V cùng nhau dùng vũ lực đánh vào người bị hại anh Đào Thanh L sau đó lôi kéo, đẩy anh L lên xe ô tô biển kiểm soát 81C-097.96 chở đến quán cafe của chị NLC1 tại Tổ 5, phường A1, thị xã A để uống nước và nói chuyện trả số tiền còn nợ. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia nhưng không có sự bàn bạc phân công vai trò cho từng bị cáo mà chỉ mang tính bộc phát từ sự bức tức của bị cáo Nguyễn Văn H khi gặp L nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Cả bị cáo H và bị cáo V cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên H là người lôi kéo V nên cần phải dùng hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo V.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội sau 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngày 13/11/2013 bị cáo Nguyễn Văn H bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 03 tháng 05 ngày tù về tội “Đánh bạc” và hình phạt bổ sung là phạt tiền với số tiền là 4.000.000đ. Do hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam nên bị cáo được trả tự do ngay tại phiên tòa, như vậy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính. Ngày 10/01/2019 (sau ngày bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” nêu trên) vợ bị cáo là chị Trần Thị H2 mới nộp thay cho bị cáo H khoản tiền của hình phạt bổ sung. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự, bị cáo H chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị xác định là “tái phạm”, phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo V, bị cáo phạm tội lần đầu, không tiền án, tiền sự nên không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hơn nữa bị cáo H cùng bị cáo V bồi thường sức khỏe cho anh L 10.000.000đ dẫn đến việc anh L viết đơn bãi nại và từ chối giám định, vậy nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H, V theo quy định tại các điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo V.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân xấu, ngày 13/11/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 03 tháng 05 ngày tù về tội “Đánh bạc”, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H chưa thi hành xong bản án. Bị cáo V có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của người khác và làm ảnh hưởng đến trật tự an trên địa bàn, vì vậy cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[7] Về dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại anh Đào Thanh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H2 không có yêu cầu gì về dân sự, tại phiên tòa chị Trần Thị H2 không có yêu cầu gì, anh Đào Thanh L vắng mặt và không có đơn yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu đen, màn hình cảm ứng, số imei 5567653, bên trong máy có 01 sim thuê bao số 0972 045 678 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo không dùng điện thoại trên để thực hiện việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo H.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Lê Quốc V phạm tội “Bắt người trái pháp luật”;

Áp dụng Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được khấu trừ số ngày đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây (từ ngày 20/12/2018 đến ngày 24/01/2019) là 36 ngày.

Áp dụng Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quốc V;

Xử phạt bị cáo Lê Quốc V 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được khấu trừ số ngày đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây (từ ngày 20/12/2018 đến ngày 24/01/2019) là 36 ngày.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu đen, màn hình cảm ứng, số imei 5567653, bên trong máy có 01 sim thuê bao số 0972 045 678 theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 01/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Quốc V phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (04/4/2019), bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự NLC7 thẩm. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(đã ký)**  
**Lê Long Sơn**







